

# Lý thuyết kiểm toán



CN khoa Kế toán - Kiểm toán

# Kết cấu chương trình

Chương 1: Tổng quan về kiểm toán

Chương 2: Hệ thống kiểm soát nội bộ

Chương 3: Các khái niệm cơ bản trong kiểm toán

Chương 4: Phương pháp kiểm toán và kỹ thuật chọn mẫu trong kiểm toán

Chương 5: Quy trình kiểm toán và báo cáo kiểm toán

# Chương 1

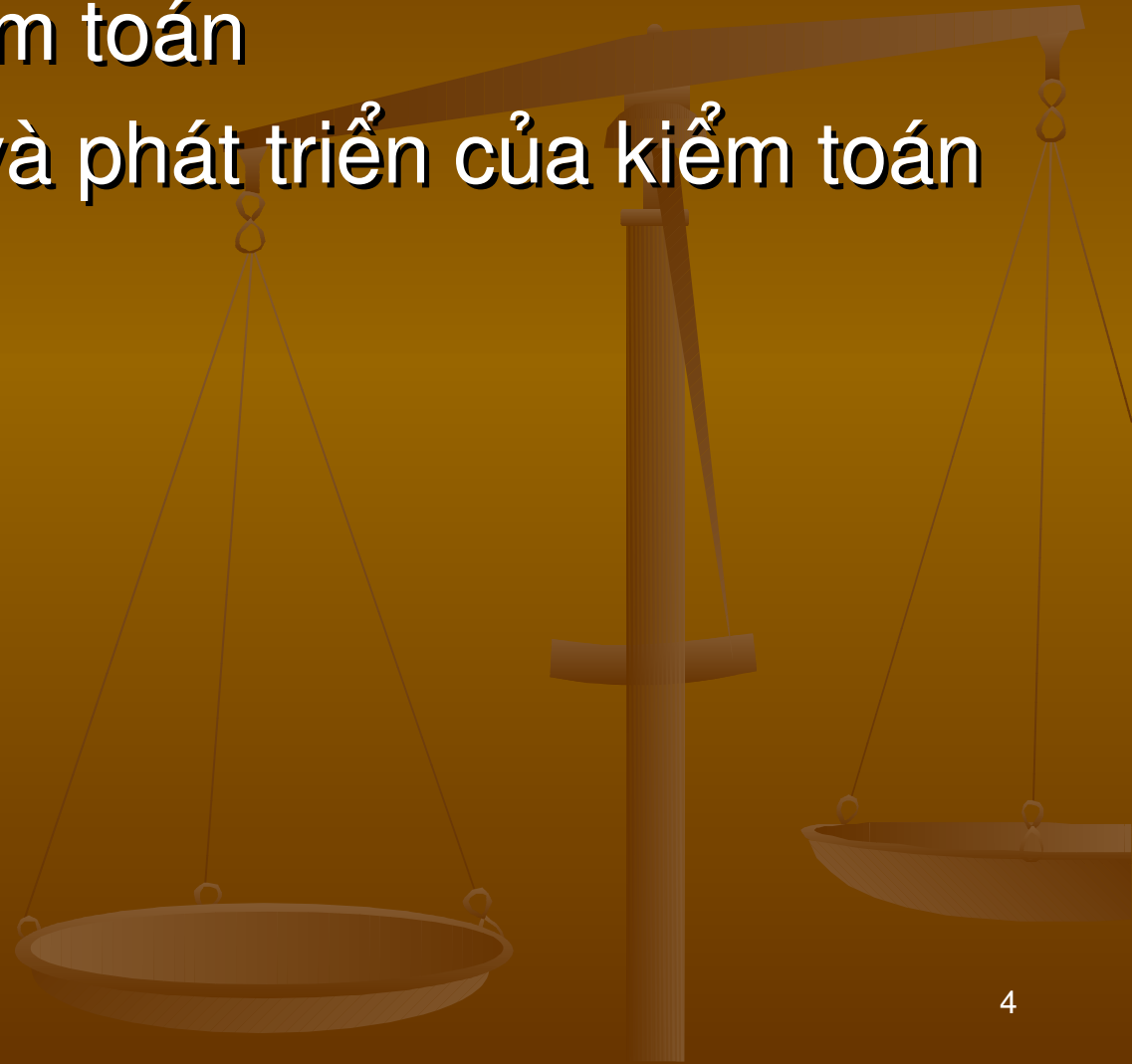
## Tổng quan về kiểm toán

- Vai trò của kiểm toán và lịch sử hình thành và phát triển của kiểm toán
- Bản chất của kiểm toán
- Đối tượng, chức năng của kiểm toán và mối quan hệ giữa kế toán với kiểm toán
- Các loại hình tổ chức kiểm toán
- Kiểm toán viên
- Tổ chức và hoạt động của công ty kiểm toán độc lập
- Chuẩn mực kiểm toán
- Kiểm toán trong môi trường ứng dụng công nghệ thông tin

# I- Vai trò của kiểm toán, lịch sử ra đời và phát triển của kiểm toán

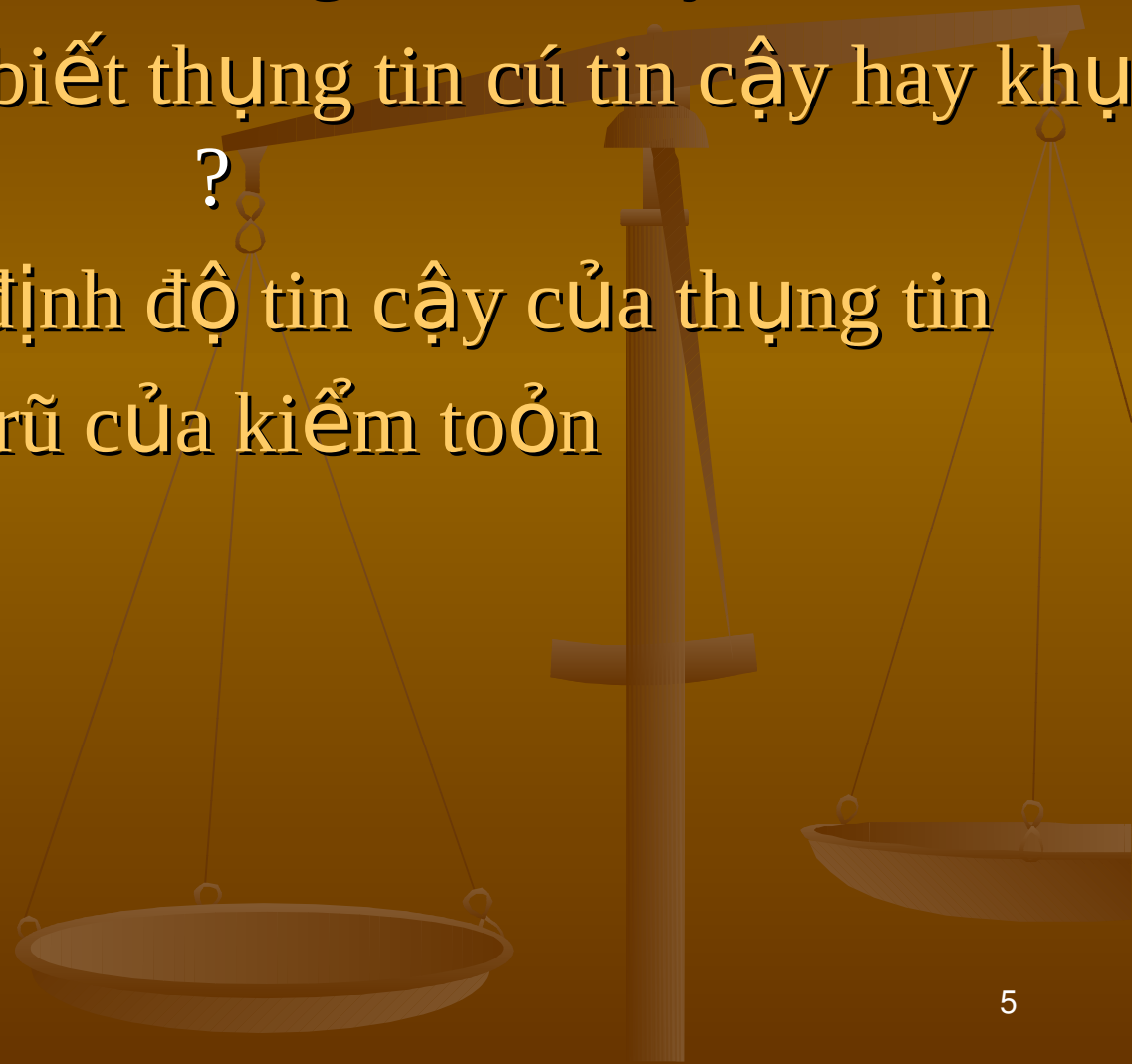
1- Vai trò của Kiểm toán

2- Lịch sử ra đời và phát triển của kiểm toán



# 1- Vai trò của kiểm toán

- Nhu cầu về thụng tin tin cậy
- Làm thế nào để biết thụng tin cú tin cậy hay khụng?
  - Căn cứ để xác định độ tin cậy của thụng tin
    - Vai trũ của kiểm toán



## 2- Lịch sử hình thành và phát triển

Kiểm toán - **“Audit”** gốc từ tiếng la tinh “Audire”, nghĩa là “Nghe”, là hoạt động đã có từ rất lâu.

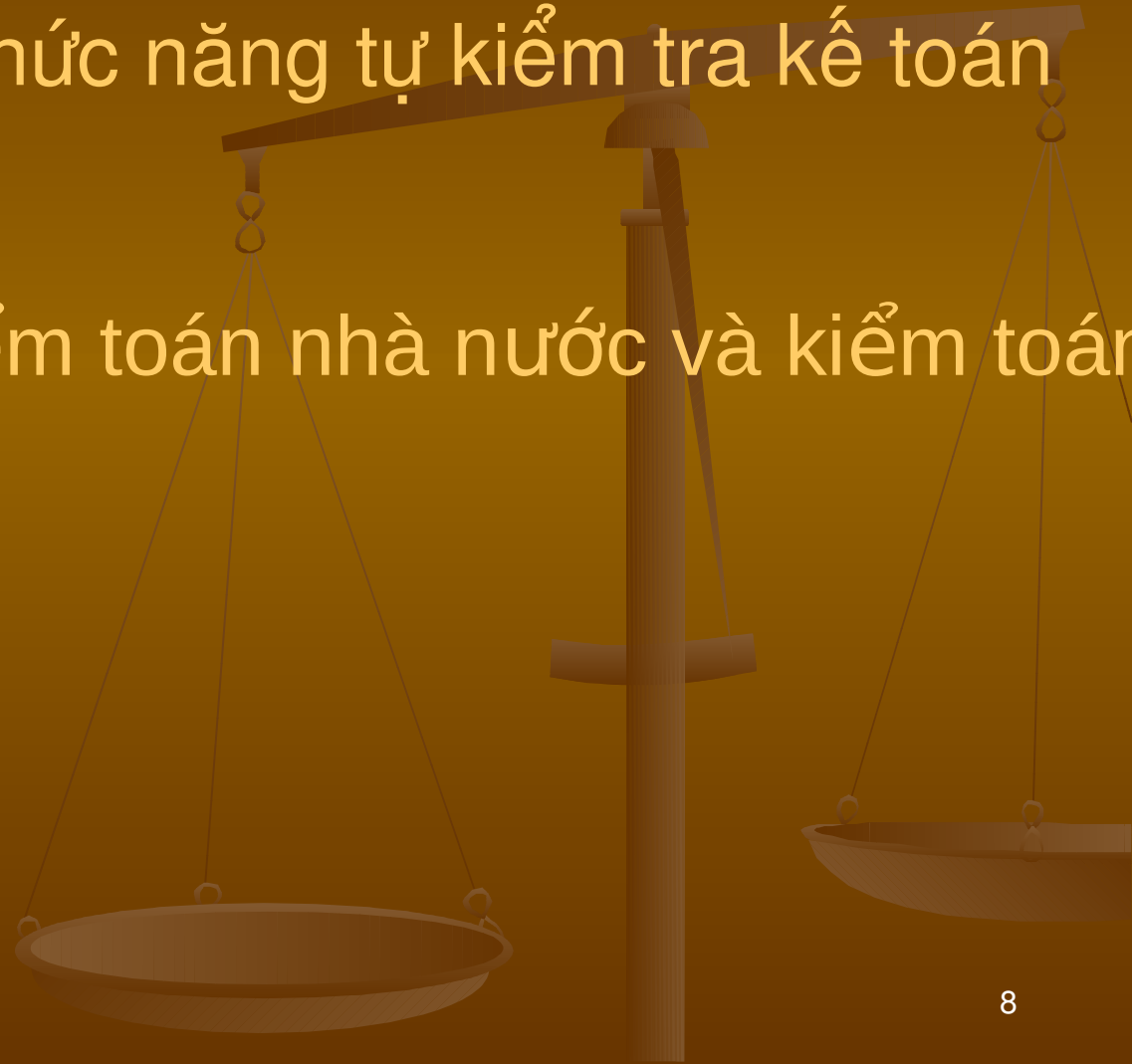
- Kiểm toán thời kỳ cổ đại
- Kiểm toán thời kỳ trung đại và cận hiện đại
- Kiểm toán thời kỳ cách mạng công nghiệp
- Kiểm toán đầu thế kỷ XX đến nay

# Quá trình hình thành

=> Sự hình thành của kiểm toán do có sự tách rời giữa quyền sở hữu và chức năng quản lý; sự ra đời của công ty cổ phần, thị trường chứng khoán phát triển => nhu cầu giải quyết các mâu thuẫn giữa người cung cấp và người sử dụng thông tin => **KTĐL đã ra đời &PT.**

# Quá trình hình thành...

- Hình thành từ chức năng tự kiểm tra kế toán
- Sự ra đời của kiểm toán nhà nước và kiểm toán





# ⇒ Sự hình thành và phát triển của kiểm toán

- Phát triển từ chức năng tự kiểm tra của kế toán -> chức năng kiểm tra độc lập
  - Từ kiểm toán chi tiết -> Kiểm toán tổng quát
  - Nhu cầu trở thành một lĩnh vực kinh doanh dịch vụ và xuất khẩu
  - Nhu cầu quản lý nhà nước và của nhà quản lý
- ⇒ Hình thành các tổ chức kiểm toán độc lập, kiểm toán nhà nước và kiểm toán nội bộ

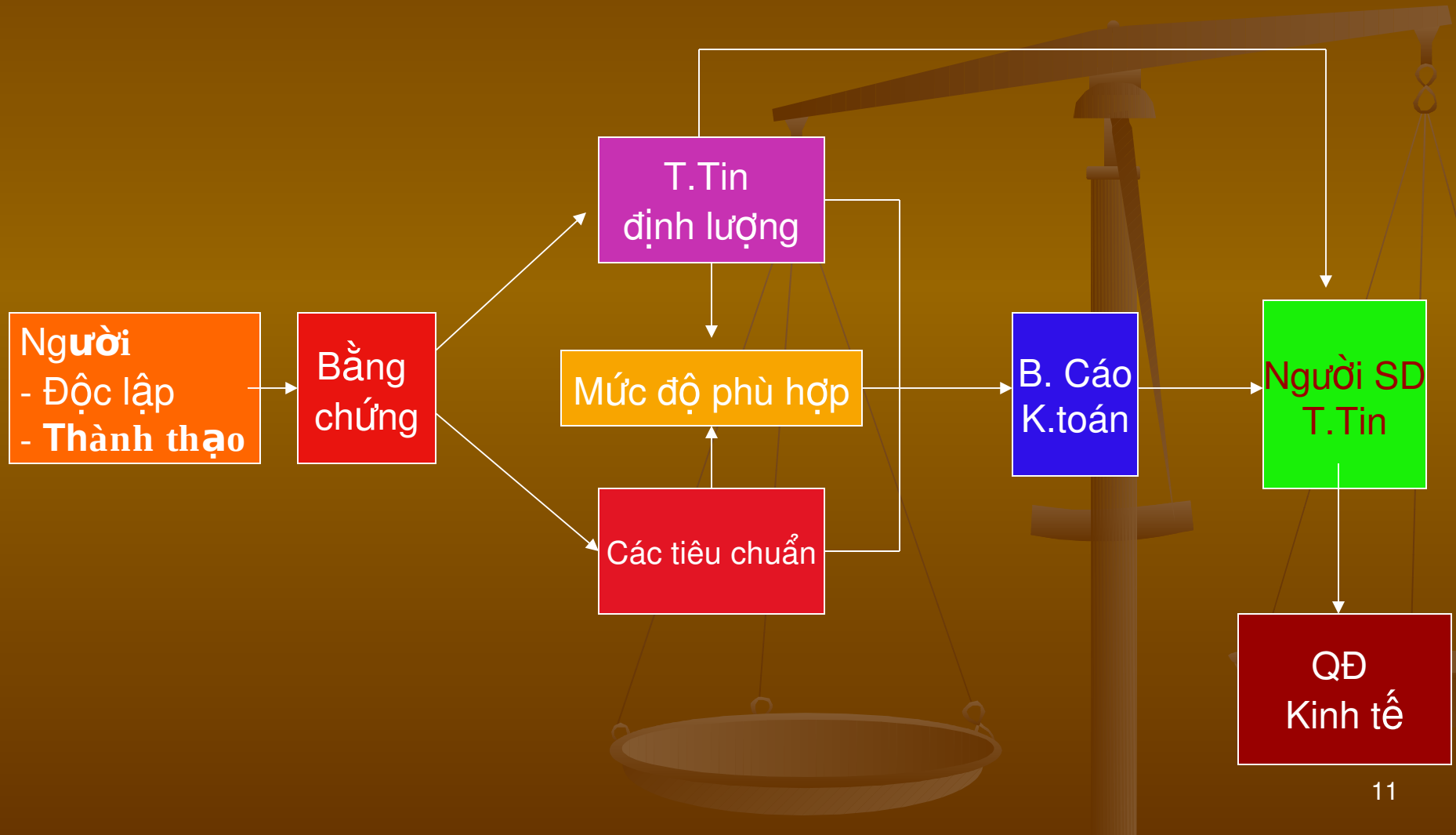
# II- Bản chất của kiểm toán

## 1- Bản chất của kiểm toán

Kiểm toán là 1 quá trình tích lũy (thu thập) và đánh giá bằng chứng về những thông tin có thể định lượng được của 1 thực thể kinh tế để xác định và báo cáo về mức độ phù hợp giữa những thông tin đó với các tiêu chuẩn đã được thiết lập. Kiểm toán cần được thực hiện bởi một người độc lập và thành thạo.



# Bản chất của kiểm toán



## 2- Phân biệt giữa kiểm toán với kế toán

- Kế toán
- Kiểm toán

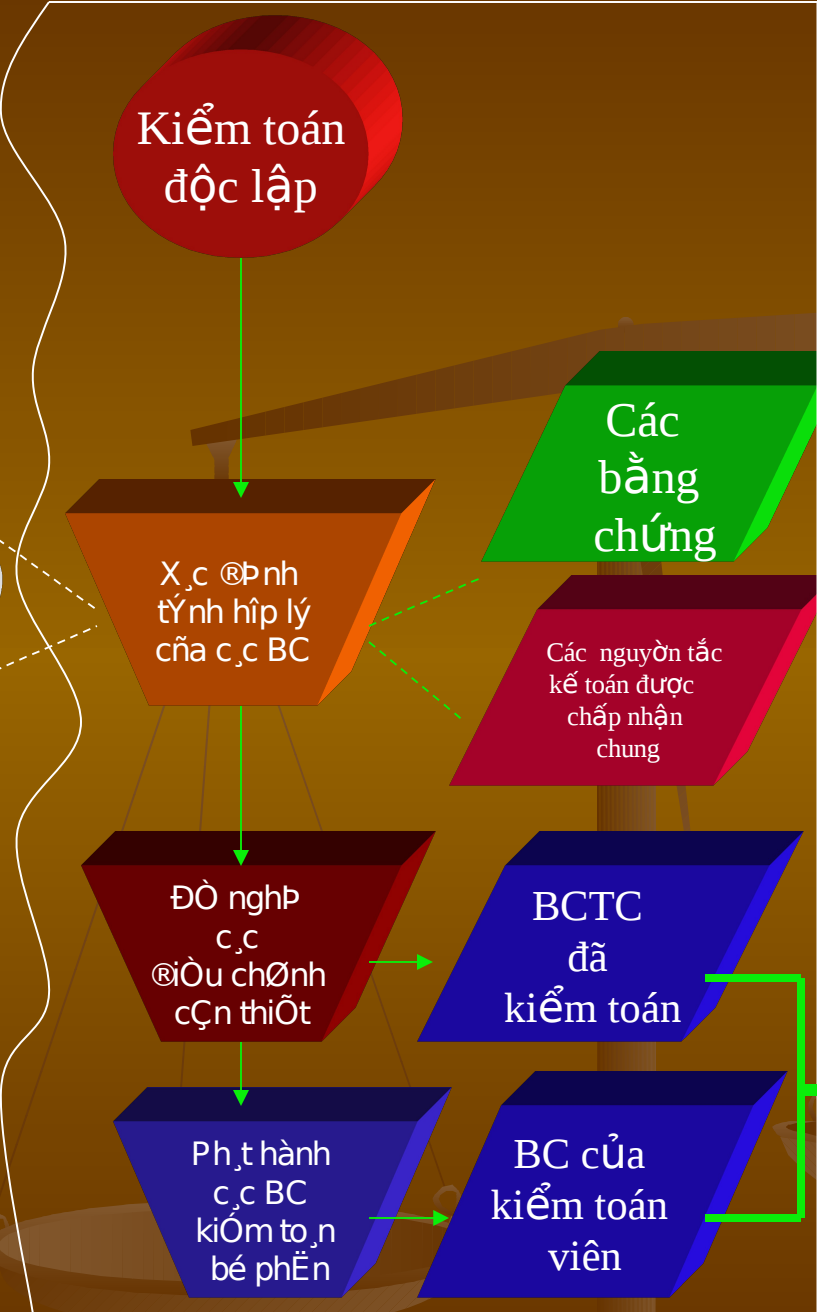
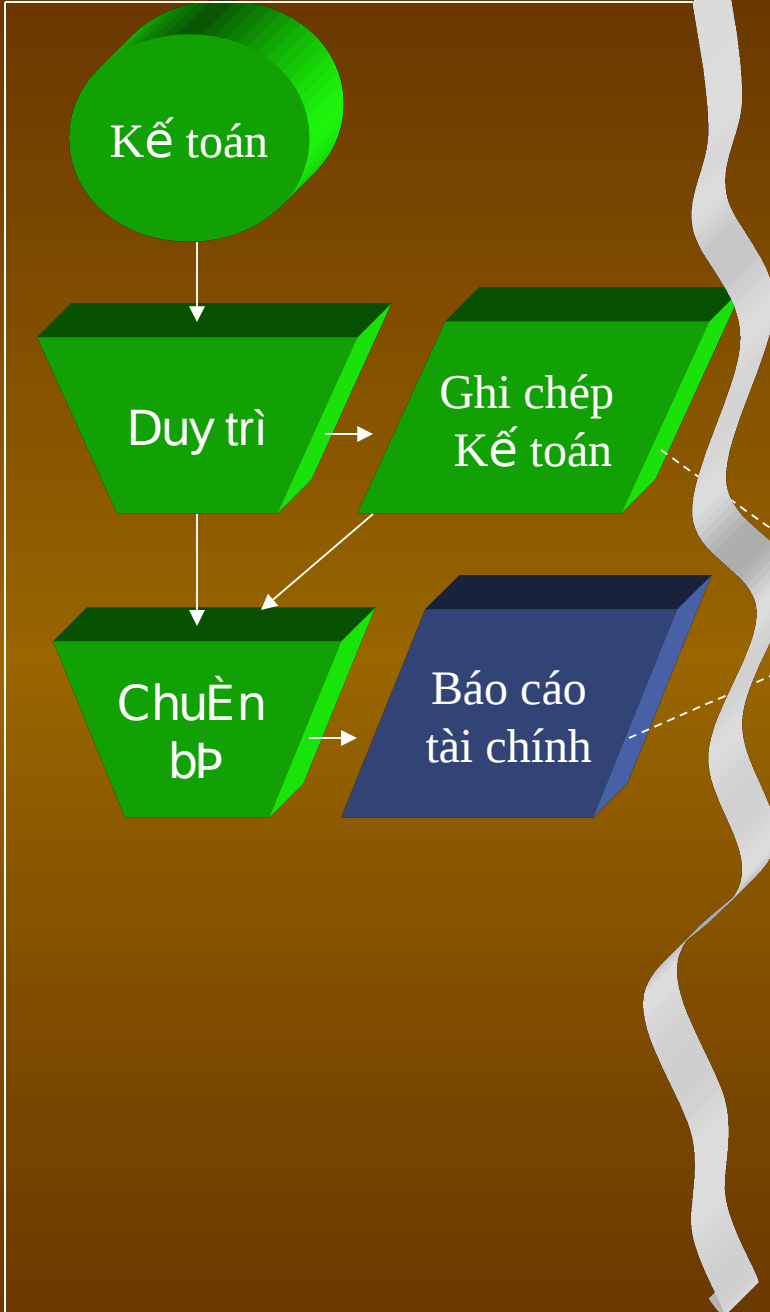


**\* *Mối quan hệ kế toán - kiểm toán:***



Những người sử dụng thông tin:  
+ *Chính Phủ*  
+ *Nhà quản lý*  
+ *Nhà đầu tư*  
+ *Đối tác*  
+ *Cổ đông.....*

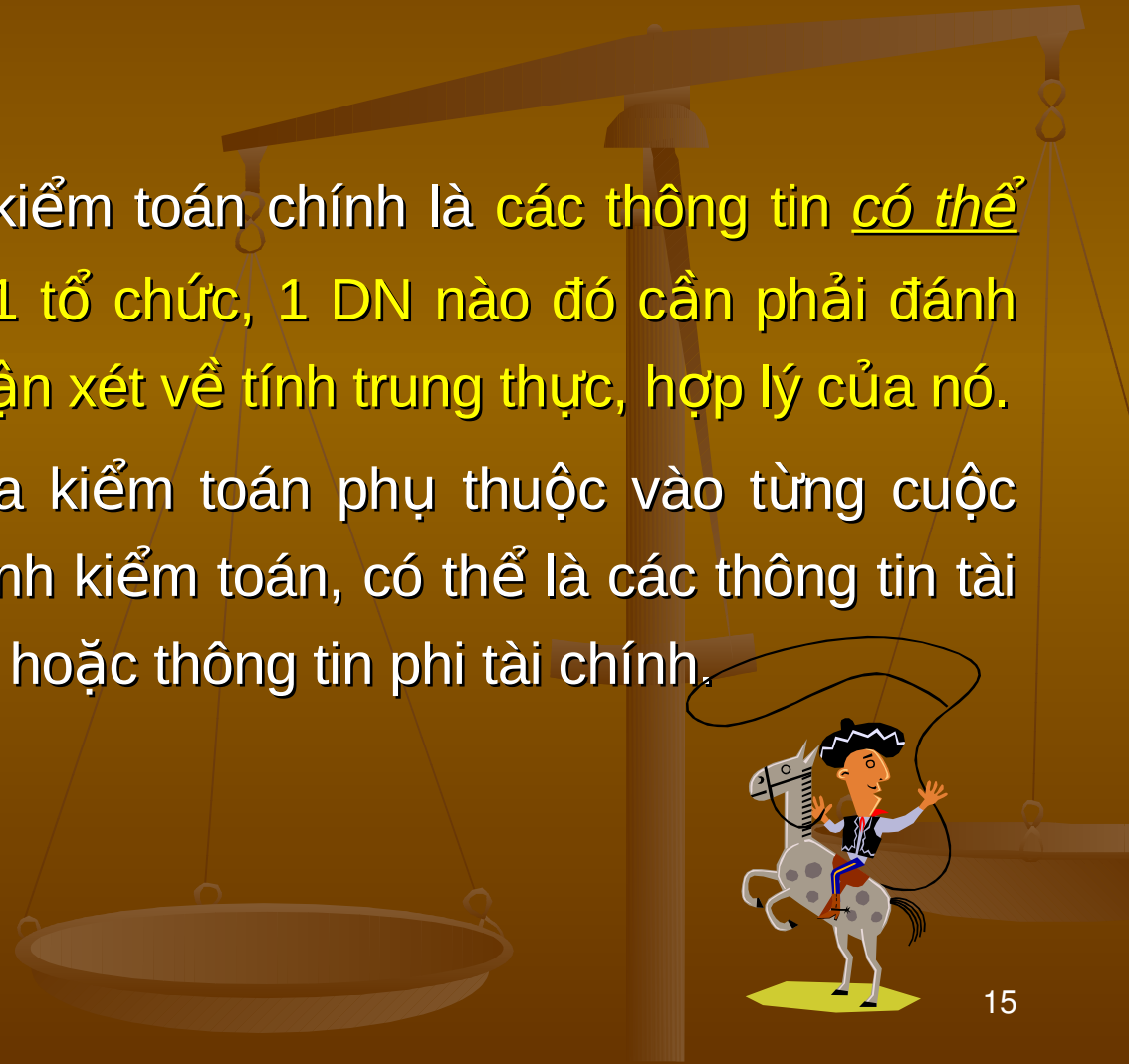




# III- Đối tượng, chức năng và lợi ích kinh tế của kiểm toán

## 1- Đối tượng:

- Đối tượng chung của kiểm toán chính là các thông tin có thể định lượng được của 1 tổ chức, 1 DN nào đó cần phải đánh giá và bày tỏ ý kiến nhận xét về tính trung thực, hợp lý của nó.
- Đối tượng cụ thể của kiểm toán phụ thuộc vào từng cuộc kiểm toán, từng loại hình kiểm toán, có thể là các thông tin tài chính (như các BCTC), hoặc thông tin phi tài chính.



## 2- Chức năng của kiểm toán:

Là một ngành cung cấp dịch vụ đặc biệt, kiểm toán thực hiện chức năng:

và  
về  
của

**KIỂM TRA, XÁC NHẬN**  
**BÀY TỎ Ý KIẾN**  
**TÍNH TRUNG THỰC, HỢP LÝ**  
**CÁC THÔNG TIN**

*trước khi nó đến tay người sử dụng.*

*Hay, kiểm toán thực hiện chức năng*

- Kiểm tra, thẩm định
- Xác nhận vụ việc giải quyết trách nhiệm
- Tư vấn





### 3- Lợi ích kinh tế của kiểm toán

Dịch vụ kiểm toán được nhiều người quan tâm sử dụng như: các doanh nghiệp, các cơ quan chính quyền, các tổ chức phi lợi nhuận,...

=> Tại sao mọi người lại muốn sử dụng dịch vụ kiểm toán?

=> Các quyết định ít sai lầm (rủi ro thấp)

=> Kiểm toán giúp giảm loại rủi ro gì?

## => Lợi ích kinh tế của kiểm toán

- Giảm hiểu rủi ro về thông tin
  - Tăng cường độ tin cậy của thông tin kế toán
  - Góp phần lành mạnh hoá các quan hệ kinh tế, tài chính.

# IV- Các loại hình kiểm toán

## 1. Phân loại theo chức năng, mục đích kiểm toán.

- Căn cứ theo chức năng kiểm toán, có thể chia công việc kiểm toán thành 3 loại:
  - + *Kiểm toán báo cáo tài chính*
  - + *Kiểm toán hoạt động*
  - + *Kiểm toán tuân thủ*



## a. Kiểm toán báo cáo tài chính (Audit of Financial Statements)

### \* **Khái niệm:**

Kiểm toán báo cáo tài chính là việc xác định xem toàn bộ báo cáo tài chính của một đơn vị đã công bố có phù hợp với các tiêu chuẩn đã được chỉ ra hay không.

Hay là việc kiểm tra và bày tỏ ý kiến nhận xét về **tính trung thực, hợp lý** của các báo cáo tài chính của 1 đơn vị.

Báo cáo tài chính của đơn vị, bao gồm:

- + Bảng Cân đối kế toán (balance sheet)
- + Báo cáo kết quả kinh doanh (income statement)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (statement of cash flows)
- + Thuyết minh các báo cáo tài chính (accompanying footnotes)

Ngoài ra, là các báo cáo, tài liệu, số liệu kế toán

# Kiểm toán báo cáo tài chính

- \* **Đối tượng kiểm toán:** Là các báo cáo, tài liệu kế toán: BCTC, BC quyết toán, BC kế toán, tài liệu, sổ sách kế toán,...
- \* **Chuẩn mực dùng để đánh giá:** Kiểm toán báo cáo tài chính Trước hết là các nguyên tắc kế toán được chấp nhận phổ biến (GAAP), lấy các chuẩn mực kế toán hay chế độ kế toán hiện hành làm thước đo chủ yếu.
- \* **Chủ thể tiến hành:** Kiểm toán báo cáo tài chính thường được thực hiện bởi các kiểm toán từ bên ngoài (KT độc lập & kiểm toán nhà nước), chủ yếu là kiểm toán độc lập.
- \* **Kết quả:** Để phục vụ cho những người quan tâm tới BCTC của đơn vị (bên thứ 3) – các cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước, các nhà đầu tư, các TCTD, các nhà cung cấp (chủ nợ),...

## b. Kiểm toán hoạt động (Operational Audit).

### **- K/niệm:**

- *Kiểm toán hoạt động là quá trình kiểm tra và đánh giá về hiệu quả và tính hiệu lực của một hoạt động để từ đó đề xuất phương án cải tiến.*

*Hay Kiểm toán hoạt động là sự xem xét lại (review) các thủ tục và phương pháp hoạt động của bất kỳ một bộ phận nào trong một tổ chức, nhằm mục đích đánh giá về hiệu quả (efficiency) và hiệu lực (effectiveness) để từ đó đề xuất phương án cải thiện*

*VD: Đánh giá hiệu quả và tính chính xác về tính lương của một hệ thống chương trình máy vi tính mới cài đặt*

## Kiểm toán hoạt động

\* **Đối tượng:** Có thể bao gồm:

- Rà soát lại hệ thống kế toán và các quy chế kiểm soát nội bộ để giám sát và tăng cường hiệu quả của hệ thống này.
- Kiểm tra việc huy động, phân phối, sử dụng các nguồn lực, như: nhân, tài, vật lực, thông tin...
- Kiểm tra tính hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, phân phối và sử dụng thu nhập, bảo toàn và phát triển vốn...
- Kiểm tra và đánh giá tính hiệu quả hoạt động của từng bộ phận chức năng trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.
- Đánh giá hiệu quả của một quy trình sản xuất ...

## Kiểm toán hoạt động

### \* **Tiêu chuẩn đánh giá:**

Tiêu chuẩn đánh giá được xác định tùy theo từng đối tượng cụ thể. => không có chuẩn mực chung và việc lựa chọn chuẩn mực thường mang tính chủ quan tùy theo nhận thức của kiểm toán viên.

\* **Chủ thể tiến hành:** Thường được thực hiện bởi các kiểm toán viên nội bộ, nhưng cũng có thể do kiểm toán viên Nhà nước hay kiểm toán viên độc lập tiến hành.

\* **Kết quả:** Chủ yếu phục vụ cho lợi ích của chính bản thân đơn vị được kiểm toán.



## c. Kiểm toán tuân thủ (Compliance/regulatory Audit)

### - **K/niệm:**

*Là việc kiểm tra nhằm đánh giá mức độ chấp hành luật pháp, chính sách, chế độ quản lý, hay các văn bản, qui định nào đó của đơn vị.*

- **Đối tượng:** là việc tuân thủ pháp luật và các qui định hiện hành, có thể bao gồm:

- Luật pháp, chính sách, chế độ tài chính kế toán, chế độ quản lý của Nhà nước,
- Nghị quyết, quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, nội qui cơ quan.
- Các qui định về nguyên tắc qui trình nghiệp vụ, thủ tục quản lý của toàn bộ hay từng khâu công việc của từng bộ phận.

# *Kiểm toán tuân thủ ...*

- **Tiêu chuẩn dùng để đánh giá:** là các văn bản có liên quan, như: luật thuế, các văn bản pháp qui, các nội qui, chế độ, thể lệ...
- **Chủ thể tiến hành:** Được thực hiện chủ yếu bởi kiểm toán viên nội bộ, kiểm toán viên nhà nước hay kiểm toán viên độc lập.
- **Kết quả:** Chủ yếu phục vụ cho các cấp thẩm quyền có liên quan, các nhà quản lý.

## ***2. Phân loại theo chủ thể kiểm toán***

- + Kiểm toán độc lập***
- + Kiểm toán nhà nước***
- + Kiểm toán nội bộ***





***2.1- Kiểm toán độc lập***  
***(Independent Audit)***

# Kiểm toán độc lập

## a. K/nhiệm:

Là hoạt động kiểm toán được tiến hành bởi các kiểm toán viên chuyên nghiệp thuộc các tổ chức kiểm toán độc lập. Họ chủ yếu thực hiện các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính; ngoài ra và tùy theo yêu cầu của khách hàng KTĐC còn thực hiện kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ và cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế toán, thuế, tài chính...

# *Kiểm toán độc lập...*

- Do sự độc lập trong hoạt động nên kết quả kiểm toán của họ tạo được sự tin cậy đối với những người sử dụng thông tin, do đó KTĐL có vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Những người sử dụng báo cáo tài chính mà chủ yếu là các bên thứ 3 chỉ tin cậy vào những báo cáo đã được kiểm toán độc lập kiểm toán.

# Kiểm toán độc lập...

**b. Kiểm toán viên:** là những người hoạt động chuyên nghiệp, có chuyên môn, có kỹ năng, có đủ các điều kiện để được cấp chứng chỉ KTV.

**c. Tính chất của cuộc kiểm toán:** do kiểm toán độc lập tiến hành là mang tính tự nguyện trên cơ sở thư mời kiểm toán và hợp đồng kiểm toán đã ký kết giữa công ty kiểm toán với đơn vị mời kiểm toán.

Do các công ty KTĐL là loại hình tổ chức cung ứng dịch vụ nên tổ chức mời kiểm toán phải trả phí kiểm toán

# Kiểm toán độc lập...

- d. **Chuẩn mực nghề nghiệp:** là hệ thống chuẩn mực kiểm toán của uỷ ban chuẩn mực kiểm toán quốc gia và quốc tế xây dựng, công bố. CMKT Việt Nam do Uỷ ban Chuẩn mực thuộc Bộ Tài chính xây dựng và công bố, CMKT quốc tế do Uỷ ban chuẩn mực kiểm toán quốc tế thuộc IFAC xây dựng và công bố.
- e. **Đối tượng phục vụ của KTĐL:** chủ yếu là những người sử dụng báo cáo tài chính (bên thứ 3), ngoài ra tùy theo yêu cầu của cơ quan NN hay của chủ DN mà đối tượng phục vụ là cơ quan QL NN hay thủ trưởng đơn vị.



# Tổ chức và hoạt động của kiểm toán độc lập

f. **Tổ chức:** Các tổ chức KTĐL hiện nay xét về mặt quy mô và phạm vi hoạt động có thể là công ty kiểm toán quốc tế, công ty quốc gia, công ty địa phương và khu vực, các công ty nhỏ. Xét về sở hữu có công ty đa quốc gia, công ty thuộc sở hữu NN, công ty cổ phần, công ty đối nhân, công ty tư nhân, văn phòng kiểm toán....

g. **Các dịch vụ mà công ty KTĐL có thể cung ứng:**

- Dịch vụ kiểm toán và xác nhận
- Dịch vụ thuế
- Dịch vụ kế toán
- Dịch vụ tư vấn quản lý
- Dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư
- ....



## ***2.2. Kiểm toán Nhà nước (State Audit)***

# a. Kh, i niÖm vµ tæ chøc

## ✓ Khái niệm:

Là hoạt động kiểm toán do cơ quan kiểm toán Nhà nước (cơ quan kiểm tra tài chính nhà nước độc lập) tiến hành. KTNN thường tiến hành kiểm toán tuân thủ kết hợp với kiểm toán BCTC, xem xét hiệu quả hoạt động, tình hình chấp hành các chính sách, luật lệ, chế độ quản lý kinh tế của các đơn vị có sử dụng vốn, kinh phí, tài sản của nhà nước.

# ✓ **TỔ chức**

- Cơ quan kiểm toán nhà nước là một tổ chức trong bộ máy quản lý của nhà nước. Kiểm toán viên nhà nước là các viên chức nhà nước.
- **VỀ MẶT TỔ CHỨC:** Kiểm toán Nhà nước có thể trực thuộc Chính phủ, Quốc hội hoặc Tòa án. KTNN Việt nam do Quốc hội thành lập

## b. Chức năng vụ đối tượng

- Chức năng của KTNN: *Kiểm toán BCTC, KT tuân thủ, KT hoạt động đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý, sử dụng NSNN, tiền và tài sản nhà nước.*
- Hoạt động của KTNN: *Kiểm tra, đánh giá và xác nhận tính đúng đắn, trung thực của báo cáo tài chính; việc tuân thủ pháp luật, tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực trong quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước.*
- Đối tượng trực tiếp và thường xuyên của KTNN: *là các tổ chức, cá nhân và các hoạt động có liên quan đến quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước*
  - Mục đích của KTNN Việt Nam

## C. Nguyên tắc và chuẩn mực của KTNN

- Nguyên tắc: Theo luật KTNN Việt Nam
  - + Chỉ tuân theo pháp luật
  - + Trung thực, khách quan
- Chuẩn mực:
  - + CM quốc tế: Do tổ chức các cơ quan kiểm toán tối cao (INTOSAI) xây dựng và công bố.
  - + CM quốc gia: Do thường vụ quốc hội quy định, Tổng KTNN xây dựng và ban hành.

## d. Kiểm toán viên NN

- Kiểm toán viên nhà nước là công chức nhà nước, do nhà nước trả lương -> đơn vị được kiểm toán không phải trả phí kiểm toán.
- Các chức danh kiểm toán NN
  - KTV cao cấp
  - KTV chính
  - KTV
  - KTV dự bị

## e. Tính chất hoạt động của kiểm toán NN

- Tính chất của cuộc kiểm toán là mang tính bắt buộc
  - Báo cáo KT của KTNN là căn cứ để:
    - Quốc hội xem xét, quyết định dự toán NSNN, phân bổ NS TW, QĐ dự án & công trình quan trọng quốc gia được đầu tư từ nguồn NSNN. Xem xét phê chuẩn quyết toán NSNN, giám sát thực hiện NSNN, CS tài chính, chính sách tiền tệ quốc gia...
    - Chính phủ & cơ quan QLNN sử dụng trong quản lý NN



Báo cáo KT của KTNN là căn cứ:

- Hội đồng ND xem xét dự toán, phân bổ, giám sát thực hiện và quyết toán NS địa phương
- Tòa án và các cơ quan luật pháp sử dụng để xử lý các hành vi vi phạm PL về kinh tế, tài chính
- ĐV được kiểm toán thực hiện các biện pháp khắc phục các sai phạm, yếu kém trong hoạt động do KTNN phát hiện và kiến nghị

## f. Các hoạt động kiểm toán NN

- Kiểm toán báo cáo tài chính
- Kiểm toán tuân thủ
- Kiểm toán hoạt động
- Tổ chức và hoạt động của KTNN Việt Nam






## ***2.3- Kiểm toán nội bộ (Internal Audit)***

# ***Kiểm toán nội bộ***

- Khái niệm
- Vai trò của KTNB trong DN
- Tính độc lập của KTNB
- Mục tiêu của KTNB
- Nhiệm vụ của KTNB
- Tổ chức KTNB
- Đối tượng phục vụ của KTNB
- Nội dung KTNB thực hiện

Kiểm toán làm gì?





Kiểm toán là quá trình các chuyên gia độc lập, có thẩm quyền thu thập và đánh giá các bằng chứng về những thông tin có thể định lượng của một tổ chức, nhằm xác định và báo cáo về mức độ phù hợp của những thông tin đó với các tiêu chuẩn đã được thiết lập; kiểm toán còn đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng các nguồn lực, các hoạt động; hiệu lực của các chính sách và quyết định quản lý.



# V- Chuẩn mực kiểm toán

(Standards on Auditing)

## 1- Khái niệm:

Chuẩn mực kiểm toán là những nguyên tắc cơ bản về nghiệp vụ và về việc xử lý các mối quan hệ phát sinh trong quá trình kiểm toán. Hiểu theo nghĩa rộng, chuẩn mực kiểm toán bao gồm cả những hướng dẫn, những giải thích về các nguyên tắc cơ bản để các kiểm toán viên có thể áp dụng trong thực tế, để đo lường và đánh giá chất lượng công việc kiểm toán.



IFAC

IASC

ISA= International Standards on Auditing

MoF

VSA= Vietnamese Standards on Auditing

## 2- Khái quát về hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế

- Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (International Standard on Auditing – ISA) do Ủy ban xây dựng CM kiểm toán thuộc Liên đoàn kế toán quốc tế (IFAC) xây dựng và công bố (chủ yếu có liên quan đến kiểm toán BCTC).
- Trong đó có 10 chuẩn mực quan trọng được chấp nhận phổ biến và được chia làm 3 phân hệ:

# Khái quát về hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế

- Phần hồ 1: gồm 3 chuẩn mực chung cả liên quan đến các tiêu chuẩn (yêu cầu liên với kiểm toán viên)
- Phần hồ 2: gồm 3 chuẩn mực về thực hiện kiểm toán (lập kế hoạch kiểm toán, tìm hiểu hồ sơ tài chính kiểm toán, báo cáo kiểm toán)
- Phần hồ 3: Gồm 4 chuẩn mực cả liên quan đến lập báo cáo kiểm toán

# Generally Accepted Auditing Standards

```
graph TD; A[Generally Accepted Auditing Standards] --> B[General qualifications and conduct]; A --> C[Field Work performance of the audit]; A --> D[Reporting results]; B --> E["- Adequate training & proficiency<br>- Independence of the mental attitude<br>- Due professional care"]; C --> F["- Proper planning and supervision<br>- Sufficient understanding of the internal control structure<br>- Sufficient competent evidence"]; D --> G["- Whether statements were prepared with GAAP<br>- Circumstances when GAAP not consistently followed<br>- Adequacy of informative disclosures<br>- Expression of opinion on financial statements as a whole"];
```

## General qualifications and conduct

- Adequate training & proficiency
- Independence of the mental attitude
- Due professional care

## Field Work performance of the audit

- Proper planning and supervision
- Sufficient understanding of the internal control structure
- Sufficient competent evidence

## Reporting results

- Whether statements were prepared with GAAP
- Circumstances when GAAP not consistently followed
- Adequacy of informative disclosures
- Expression of opinion on financial statements as a whole

### 3. Khái quát Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam đã ban hành

#### Đợt 1 ban hành 04 chuẩn mực:

1. Chuẩn mực số 200 : Mục tiêu và nguyên tắc cơ bản chi phối kiểm toán báo cáo tài chính;
2. Chuẩn mực số 210 : Hợp đồng kiểm toán;
3. Chuẩn mực số 230 : Hồ sơ kiểm toán;
4. Chuẩn mực số 700 : Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính.

#### Đợt 2 ban hành 06 chuẩn mực:

5. Chuẩn mực số 250 : Xem xét tính tuân thủ pháp luật và các qui định trong kiểm toán báo cáo tài chính;
6. Chuẩn mực số 310 : Hiểu biết về tình hình kinh doanh;
7. Chuẩn mực số 500 : Bằng chứng kiểm toán;
8. Chuẩn mực số 510 : Kiểm toán năm đầu tiên - Số dư đầu năm tài chính
9. Chuẩn mực số 520 : Quy trình phân tích;
10. Chuẩn mực số 580 : Giải trình của Giám đốc.

### Đợt 3 ban hành 06 chuẩn mực:

11. Chuẩn mực số 240 : Gian lận và sai sót;
12. Chuẩn mực số 300 : Lập kế hoạch kiểm toán;
13. Chuẩn mực số 400 : Đánh giá rủi ro và kiểm soát nội bộ;
14. Chuẩn mực số 530 : Lấy mẫu kiểm toán và các thủ tục lựa chọn khác;
15. Chuẩn mực số 540 : Kiểm toán các ước tính kế toán;
16. Chuẩn mực số 610 : Sử dụng tư liệu của kiểm toán nội bộ.

### Đợt 4 ban hành 05 chuẩn mực:

17. Chuẩn mực số 220 : Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán;
18. Chuẩn mực số 320 : Tính trọng yếu trong kiểm toán;
19. Chuẩn mực số 501 : Bằng chứng kiểm toán bổ sung đối với các khoản mục và sự kiện đặc biệt;
20. Chuẩn mực số 560 : Các sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính;
21. Chuẩn mực số 600 : Sử dụng tư liệu của kiểm toán viên khác.

### Đợt 5 ban hành 06 chuẩn mực:

- 22. Chuẩn mực số 401 : Thực hiện kiểm toán trong môi trường tin học;
- 23. Chuẩn mực số 550 : Các bên liên quan;
- 24. Chuẩn mực số 570 : Hoạt động liên tục;
- 25. Chuẩn mực số 800 : Báo cáo kiểm toán về những công việc kiểm toán đặc biệt ;
- 26. Chuẩn mực số 910 : Công tác soát xét báo cáo tài chính;
- 27. Chuẩn mực số 920 : Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thoả thuận trước.

### Đợt 6 ban hành 06 chuẩn mực:

- 28. Chuẩn mực 402 : Các yếu tố cần xem xét khi kiểm toán đơn vị có sử dụng dịch vụ bên ngoài
- 29. Chuẩn mực 620 : Sử dụng tư liệu của chuyên gia
- 30. Chuẩn mực 710 : Thông tin có tính so sánh
- 31. Chuẩn mực 720 : Những thông tin khác trong tài liệu có báo cáo tài chính đã kiểm toán
- 32. Chuẩn mực 930 : Dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính
- 33. Chuẩn mực 1000 : Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

## Đợt 7 ban hành 04 chuẩn mực:

- 34. Chuẩn mực 260: Trao đổi các vấn đề quan trọng phát sinh khi kiểm toán với Ban lãnh đạo đơn vị được kiểm toán;
- 35. Chuẩn mực 330: Thủ tục kiểm toán trên cơ sở đánh giá rủi ro;
- 36. Chuẩn mực 505: Thông tin xác nhận từ bên ngoài;
- 37. Chuẩn mực 545: Kiểm toán việc xác định và trình bày giá trị hợp lý.

[www.MoF.gov.vn](http://www.MoF.gov.vn)

[www.kiemtoan.com.vn](http://www.kiemtoan.com.vn)



# VI- Kiểm toán viên

# Kiểm toán viên

1- Kiểm toán viên là những người được đào tạo để có đủ trình độ chuyên môn, độc lập và có đạo đức nghề nghiệp được cấp chứng chỉ KTV.

- KTV trong các chức kiểm toán  $\text{\textcircled{R}}\text{éc I\ddot{E}p}$
- Kiểm toán viên trong kiểm toán nội bộ
- Kiểm toán viên thuộc Kiểm toán nhậm n-íc

# Kiểm toán viên

2- Yêu cầu (tiêu chuẩn) của KTV:

2.1 Theo IFAC và ISA, các kiểm toán viên phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

a. Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn: KTV là những người có khả năng và kỹ năng nghề nghiệp.

- Phải trải qua đào tạo: Tốt nghiệp đại học về kế toán tài chính,
- Trải qua một thời gian thực tế và có kinh nghiệm về lĩnh vực kế toán, tài chính

- Về trình độ chuyên môn (tiếp)
  - Phải được đào tạo và tự đào tạo thường xuyên để duy trì trình độ chuyên môn
  - Trải qua kỳ thi tuyển KTV cấp nhà nước và được cấp chứng chỉ kiểm toán viên

# Yêu cầu với KTV

b. Yêu cầu về tính độc lập:

KTV phải có tính độc lập về kinh tế và tư tưởng đối với đơn vị mà mình kiểm toán

- Về kinh tế, không có các quan hệ kinh tế hay hưởng lợi về kinh tế từ đối tượng kiểm toán ngoại trừ phí kiểm toán đã ghi trên hợp đồng

KT

- Về tư tưởng, không kiểm toán ở những đơn vị mà KTV có quan hệ nhân thân (bố mẹ, vợ chồng, con, anh chị em ruột)

- Yêu cầu về tính độc lập (tiếp)
  - Độc lập trong lập kế hoạch, tiến hành KT và lập báo cáo kiểm toán
  - Nếu có những yếu tố làm giảm tính độc lập khi kiểm toán thì KTV phải tìm cách loại trừ, nếu không loại trừ được thì phải nêu trong báo cáo kiểm toán

# Yêu cầu với KTV

## c. Yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp

- Tính trung thực, khách quan
- Tính bí mật
- Tôn trọng luật pháp và các chuẩn mực nghề nghiệp

## 2.2 Tiêu chuẩn đối với KTV Việt Nam

Trong nghị định 07 và **Quyết định số 87/2005/QĐ-BTC** ngày **01/12/2005** của **Bộ trưởng Bộ Tài chính**.

- **Độc lập**
- **Chính trực**
- **Khách quan**
- **Năng lực chuyên môn và tính thận trọng**
- **Tính bảo mật**
- **Tư cách nghề nghiệp**
- **Tuân thủ chuẩn mực chuyên môn.**





# VII- Kiểm toán trong môi trường ứng dụng công nghệ thông tin

# Kiểm toán trong môi trường ứng dụng công nghệ thông tin

- Ảnh hưởng của môi trường tin học
- Yêu cầu đối với KTV
- Yêu cầu khi lập KH kiểm toán
- Đánh giá rủi ro và ICS
- Yêu cầu đối với phương pháp và thủ tục kiểm toán